

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN QUANG

Số: 810/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Quang, ngày 05 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt – Quán Thắng, huyện An Lão (nay là xã An Quang), thành phố Hải Phòng (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai 2024;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số: 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ ban hành Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 03/03/2025 của UBND thành phố Hải Phòng Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 4418/QĐ-UBND ngày 05/06/2025 của UBND huyện An Lão về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt - Quán Thắng, huyện An Lão;

Căn cứ Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND xã An Quang về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt - Quán Thắng, huyện An Lão trên địa bàn xã An Quang, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/03/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3859/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-UBND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thông qua các dự án, công trình phải thu hồi trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện An Lão;

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND xã An Quang Về việc phê duyệt giá đất nông nghiệp cụ thể để tính tiền bồi thường và phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt – Quán Thắng, huyện An Lão (nay là xã An Quang), thành phố Hải Phòng (đợt 1)

Căn cứ Thông báo số 22 của UBND xã An Quang về giá gạo phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng các Dự án trên địa bàn xã An Quang năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã An Quang tại Tờ trình số 139/TTr-KT ngày 04/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Cửa Hoạt - Quán Thắng, huyện An Lão (nay là xã An Quang), thành phố Hải Phòng (đợt 2).

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp cụ thể:

Tổng số hộ có đất thu hồi: 29 hộ; Diện tích đất nông nghiệp trong chỉ giới: 17.058,4m²; Đất nông nghiệp thu ngoài chỉ giới: 1.428m².

- Biên bản kiểm kê, Phương án hỗ trợ của 29 hộ;

- Tổng giá trị đền bù, hỗ trợ: 12.169.684.000 đồng;

Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất thu hồi thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã An Lão lập.

(có phương án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các cơ quan có liên quan; Ban Quản lý dự án xã An Lão; 29 hộ gia đình, cá nhân có tài sản nằm trên đất bị thu hồi; Phòng Kinh tế xã An Quang có trách nhiệm cụ thể sau:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã An Lão:

- Chịu trách nhiệm về số liệu, chủng loại, đơn giá và việc áp dụng chế độ chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định; Quản lý và lưu trữ hồ sơ hỗ trợ trình phê duyệt; Cung cấp các hồ sơ cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xác nhận tính pháp lý và các thông tin khác liên quan đến chính sách hỗ trợ;

- Phối hợp với UBND xã An Quang phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ tại trụ sở UBND xã An Quang và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

- Gửi phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Giải quyết các kiến nghị, đề nghị liên quan đến việc tính toán, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất;

- Cùng với UBND xã An Quang quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa bàn giao đất theo quy định.

2. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản bị thu hồi thực hiện dự án:

- Chấp hành, nhận tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Sau khi nhận đủ tiền hỗ trợ theo quyết định đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định về UBND xã An Quang để chuyển Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai chỉnh lý biến động theo quy định.

- Di chuyển tài sản và bàn giao mặt bằng theo thời gian Ban Quản lý dự án xã An Lão thông báo.

3. Phòng Kinh tế xã An Quang:

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật; Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND xã xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Ban Quản lý dự án xã An Lão vận động, thuyết phục tạo sự đồng thuận trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà người có đất thu hồi không đồng ý hoặc không phối hợp, tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

- Thu và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định gửi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai chính lý theo quy định; cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai, hồ sơ địa chính lưu trữ tại địa phương theo quy định;

- Thực hiện việc chi trả tiền hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.

- Quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa bàn giao đất theo quy định.

4. Đề nghị Chủ đầu tư: Công ty TNHH cụm CN của Hoạt có trách nhiệm chuyển số tiền hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 2 cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ để thực hiện chi trả theo quy định.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thi hành quyết định:

- Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm đăng Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của xã.

- Trung tâm Dịch vụ Sự nghiệp công xã An Quang có trách nhiệm thông báo công khai Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các đơn vị: Kinh tế, Văn hóa - xã hội; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công; Ban Quản lý dự án xã An Lão; Các tổ chức, cá nhân có liên quan tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phú Thọ

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP CỬA HOẠT - QUẢN THẮNG, HUYỆN AN LÃO
(Kèm theo Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 05/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã An Quang)

STT	Họ và tên chủ hộ, người đại diện	Số khẩu được hỗ trợ theo tỷ lệ thu hồi đất			Tổng diện tích được giao (theo ND 64/CP) (m ²)	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	DT thu hồi trong chi giới		DT thu hồi ngoài chi giới	Diện tích thu hồi của dự án trước (m ²)	Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Bồi thường		Các khoản hỗ trợ			Cộng	Số khẩu
		Tỷ lệ thu hồi <30%	Tỷ lệ thu hồi từ 30-70%	Tỷ lệ thu hồi >70%			Đất 64	Đất tự sử dụng				Tiền đất	Hoa màu	Chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Ôn định sản xuất, kinh doanh	Ôn định đời sống		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Bùi Văn Cảnh		4		1.920	885	840,5	0,0	44,8	360	56,7%	88.530.000	8.853.000	442.650.000	26.559.000	12.960.000	579.552.000	4
2	Đỗ Văn Chung	6			2.880	692	604,6	0,7	86,9	0	24,0%	69.150.000	6.915.000	345.750.000	20.745.000	9.720.000	452.280.000	6
3	Đỗ Văn Đoàn	4			1.913	180	180,0	0,2	0,0	0	9,4%	18.000.000	1.800.000	90.000.000	5.400.000	6.480.000	121.680.000	4
4	Đỗ Văn Là			4	2.400	1.819	1.736,5		66,3	0	75,1%	180.280.000	18.028.000	901.400.000	54.084.000	25.920.000	1.179.712.000	4
5	Hoàng Văn Viện (Ngoan)	5			2.400	163	133,8	0,0	29,3	0	6,8%	16.310.000	1.631.000	81.550.000	4.893.000	8.100.000	112.484.000	5
6	Lê Minh Phương	5			2.400	578	576,0	2,3	0,0	0	24,0%	57.600.000	5.760.000	288.000.000	17.280.000	8.100.000	376.740.000	5
7	Lê Thị Toan		2		959	444	362,4	0,4	80,8	0	46,2%	44.320.000	4.432.000	221.600.000	13.296.000	6.480.000	290.128.000	2
8	Lê Văn Ký		6		2.880	1.770	1.635,1	4,6	130,5	0	61,3%	176.560.000	17.656.000	882.800.000	52.968.000	19.440.000	1.149.424.000	6
9	Lê Văn Long	4			1.920	123	123,0	0,1	0,0	0	6,4%	12.300.000	1.230.000	61.500.000	3.690.000	6.480.000	85.200.000	4
10	Lê Văn Quang	4			1.920	132	119,1	0,0	13,1	0	6,9%	13.220.000	1.322.000	66.100.000	3.966.000	6.480.000	91.088.000	4
11	Lê Văn Siêu	3			1.440	287	287,0	0,1	0,0	0	19,9%	28.700.000	2.870.000	143.500.000	8.610.000	4.860.000	188.540.000	3
12	Lê Văn Sơn	5			2.880	470	424,3	0,9	44,9	0	16,3%	46.920.000	4.692.000	234.600.000	14.076.000	8.100.000	308.388.000	5
13	Linh Văn Sáu	4			1.920	498	488,3		8,8	0	25,9%	49.710.000	4.971.000	248.550.000	14.913.000	6.480.000	324.624.000	4

14	Lương Văn Khánh		3		1.440	789	788,0	1,2	0,0	0	54,7%	78.800.000	7.880.000	394.000.000	23.640.000	9.720.000	514.040.000	3
15	Nguyễn Thị Vỹ (Tuấn)	1			905	129	128,0	0,7	0,0	0	14,1%	12.800.000	1.280.000	64.000.000	3.840.000	1.620.000	83.540.000	1
16	Nguyễn Trí			3	1.564	1.565	1.332,0	0,0	232,9	0	100,1%	156.490.000	15.649.000	782.450.000	46.947.000	19.440.000	1.020.976.000	3
17	Nguyễn Tuấn Anh (Hoa)	5			1.920	270	269,0	1,4	0,0	0	14,0%	26.900.000	2.690.000	134.500.000	8.070.000	8.100.000	180.260.000	5
18	Nguyễn Văn Hoàn	2			960	205	170,2	0,0	35,0	0	21,4%	20.520.000	2.052.000	102.600.000	6.156.000	3.240.000	134.568.000	2
19	Nguyễn Văn Lán	3			1.440	157	129,0		28,2	0	10,9%	15.720.000	1.572.000	78.600.000	4.716.000	4.860.000	105.468.000	3
20	Nguyễn Văn Phú	6			2.880	626	553,2	0,0	72,8	0	21,7%	62.600.000	6.260.000	313.000.000	18.780.000	9.720.000	410.360.000	6
21	Nguyễn Thị Thắm (Quyết)			7	2.880	2.085	2.027,3	6,4	51,4	0	72,2%	207.870.000	20.787.000	1.039.350.000	62.361.000	45.360.000	1.375.728.000	7
22	Phạm Thị Hồng		2		934	601	511,2	0,0	89,3	0	64,3%	60.050.000	6.005.000	300.250.000	18.015.000	6.480.000	390.800.000	2
23	Phạm Thị Lùng		4		1.920	1.026	817,8	1,0	206,7	0	53,4%	102.450.000	10.245.000	512.250.000	30.735.000	12.960.000	668.640.000	4
24	Phạm Thị Thâm		4		2.400	964	858,6	3,6	101,5	0	40,0%	96.010.000	9.601.000	480.050.000	28.803.000	12.960.000	627.424.000	4
25	Tạ Văn Phạc	6			2.880	209	209,0	0,2	0,0	0	7,3%	20.900.000	2.090.000	104.500.000	6.270.000	9.720.000	143.480.000	6
26	Đào Văn Du			5	140	140	113,0	0,0	27,0	0	100,0%	14.000.000	1.400.000	70.000.000	4.200.000	32.400.000	122.000.000	5
27	Nguyễn Văn Thoán	1			2.400	392	314,5	0,0	77,5	0	16,3%	39.200.000	3.920.000	196.000.000	11.760.000	1.620.000	252.500.000	1
28	Vũ Văn Dũng			4	1.434	1.040	1.039,0	1,1	0,0	0	72,5%	103.900.000	10.390.000	519.500.000	31.170.000	25.920.000	690.880.000	4
29	Vũ Văn Lượng	3			1.920	289	288,0	0,5	0,0	279	17,6%	28.800.000	2.880.000	144.000.000	8.640.000	4.860.000	189.180.000	3
Tổng cộng		67	25	23	55.849,0	18.528,8	17.058,4	42,7	1.428	639,0		1.848.610.000	184.861.000	9.243.050.000	554.583.000	338.580.000	12.169.684.000	115